

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT
Ngày 08 - 11 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, chia
tài sản chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tông Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Lại Thị Hiếu, ông Vũ Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 02/2024/TLHNGĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cà Văn S, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Vì Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cà Văn B, địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bà Vì Thị L, địa chỉ: Bản T, xã P huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Ông Vì Văn A, địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn chị Vì Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Cà Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vì Thị T kết hôn ngày 04/05/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2020 anh và chị T sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Cà Văn S xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn chị Vì Thị T.

- Về con chung: Có một con là Cà Văn Bảo B2, sinh ngày 04/4/2018, do từ năm 2020 vợ bỏ về nhà bố mẹ không quan tâm đến con. Anh xin được nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Vì Thị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định hai vợ chồng mới lấy nhau được hơn ba năm thì sống ly thân, khi mới cưới về sống chung với bố mẹ, nên không có tài sản chung.

Anh Cà Văn S trình bày về yêu cầu đòi chia tiền công đóng góp làm nhà của bố mẹ anh của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A như sau:

+ 01 đôi hoa tai vàng do cô Vì Thị T tự bán đi là 1.600.000 đồng góp làm nhà là không có, nên không nhất trí;

+ Ông bà ngoại cho để mua xe máy là 30.000.000 đồng, nhất trí trả một phần;

+ 02 con dê là 3.500.000 đồng do không nuôi được đã mổ cho thợ ăn, nên không nhất trí;

+ Vay ông Vì Văn A mua cát 1.300.000 đồng nhất trí trả;

+ Ông Vì Văn A cho cây tre làm cốt pha mới lấy nay đòi không nhất trí trả 3.000.000 đồng;

+ Ông Vì Văn A cho 01 hộp gỗ làm cửa chưa làm nhất trí trả lại hộp gỗ;

+ Tiền công đi làm về trả nợ là 30.000.000 đồng là không đúng hai vợ chồng chỉ gửi về cho bố mẹ trả nợ 10.000.000 đồng;

+ Quà mang xuống đón bên nhà chồng là 10.000.000 đồng là đồ lễ vật vẫn còn sẽ trả, không nhất trí trả bằng tiền;

+ Công ông Vì Văn A đi phụ giúp làm nhà 03 tháng là 22.500.000 đồng. Theo phong tục tập quán mọi người đều đến giúp công làm nhà, không ai tính, sau này ông Vì Văn A làm nhà sẽ đến làm giúp, không nhất trí trả công, vì không phải thuê làm;

+ Ông Vì Văn A chi bồi dưỡng ca mổ đẻ cho con gái là 5.500.000 đồng. Anh Cà Văn S không công nhận được vay, không nhất trí trả.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Vì Thị T trình bày: Chị xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Cà Văn S và chị, nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của anh S. Xác định mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, nay anh S xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có một con là Cà Văn Bảo B2, sinh ngày 04/4/2018, nguyện vọng chị xin nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Vì Thị T xác định khi sống chung với gia đình nhà chồng có công đóng góp trong việc xây dựng nhà và yêu cầu anh Cà Văn S phải trả như sau: 01 đôi hoa tai vàng bán đi là 1.600.000 đồng; ông bà ngoại cho mua xe là 30.000.000 đồng; 02 con dê là 3.500.000 đồng; bố đẻ ông Vì Văn A cho cát 1.300.000 đồng, cây tre 3.000.000 đồng, gỗ làm cửa 650.000 đồng; tiền công đi làm về trả nợ là 30.000.000 đồng; quà mang xuống đón bên nhà chồng là 10.000.000 đồng; công bố đẻ ông Vì Văn A đi làm nhà 03 tháng là 22.500.000 đồng và bỏ ra bồi dưỡng ca mổ đẻ cho con gái là 5.500.000 đồng. Tổng cộng 108.050.000 đồng.

Về nợ chung chị Vì Thị T trình bày: Không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Cà Văn B, bà Vì Thị L trình bày như sau:

Ông và bà nhất trí với ý kiến trình bày của anh Cà Văn S, không nhất trí việc chị T và ông A đòi tiền công đóng góp xây dựng nhà của gia đình ông và đồ sính lễ cưới.

Ông Cà Văn B, bà Vì Thị L trình bày thêm yêu cầu chị Vì Thị T và ông Vì Văn A phải trả tiền, đồ sính lễ cưới như sau:

Chi phí ăn hỏi: Tiền mua thịt lợn là 1.100.000 đồng; tiền mua thịt trâu là 2.200.000 đồng; tiền gà là 360.000 đồng; tiền mặt 5.000.000 đồng. Cộng 8.560.000 đồng.

Tiền tổ chức cưới: 01 con trâu 20.000.000 đồng; 01 con lợn 7.200.000 đồng; tiền gà là 6.500.000 đồng; cá là 480.000 đồng; rượu là 2.400.000 đồng; dưa hấu là 1.250.000 đồng; trứng chim cút là 740.000 đồng; tiền gạo là 1.600.000 đồng; tiền đón dâu là 5.000.000 đồng; tiền hoa tai, vòng tay là 5.000.000 đồng. Cộng 40.170.000 đồng. Tổng cộng ăn hỏi và cưới là 48.730.000 đồng.

Đồ sính lễ cưới tặng cô dâu: 01 đôi hoa tai vàng; vòng tay 04 cái (01 cái bằng bạc); 01 mâm cài tóc bạc; cân trọng 02 cái.

Sau đó ông Cà Văn B, bà Vì Thị L và anh Cà Văn S có đơn rút yêu cầu về tiền, đồ sính lễ cưới nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A trình bày:

01 đôi hoa tai vàng là của hồi môn tặng con gái bán đi mua gạch hoa là 1.600.000 đồng;

Ông bà ngoại cho là 30.000.000 đồng để mua xe máy nhưng không mua mà dùng góp xây nhà;

02 con dê cho làm giống đã bán là 3.500.000 đồng để góp xây nhà;

Anh Cà Văn S vay 1.300.000 đồng để mua cát;

Anh Cà Văn S lấy 100 cây tre để chống sàn nhà giá 300.000 đồng/1 cây = 3.000.000 đồng;

Anh Cà Văn S lấy một hộp gỗ dôi làm cửa giá 650.000 đồng;

Tiền công con gái đi làm về trả nợ là 30.000.000 đồng;

Quà mang xuống đón bên nhà chồng khi cưới là 10.000.000 đồng;

Công ông Vì Văn A đi làm nhà 03 tháng, mỗi ngày công là 250.000 đồng/ngày là 22.500.000 đồng;

Ông Vì Văn A bỏ ra bồi dưỡng ca mổ để cho con gái là 5.500.000 đồng. Tổng cộng 108.050.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự. Tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La đã Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 61; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 457, Điều 458 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Cà Văn S được ly hôn chị Vì Thị T.

2. Về con chung: Giao cho Anh Cà Văn S trực tiếp nuôi con Cà Văn Bảo B2, sinh ngày 04/4/2018. Chị Vì Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về chia tài sản chung: Anh Cà Văn S, ông Cà Văn Bắc, bà Vi Thị Lả phải trả cho chị Vi Thị T công đóng góp trong việc xây dựng nhà là 22.550.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về nợ chung: Anh Cà Văn S có trách nhiệm trả cho ông Vi Văn A số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng); 01 hộp gỗ dổi.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

5. Đình chỉ xét xử đối với việc ông Cà Văn B, bà Vi Thị L và anh Cà Văn S có đơn rút yêu cầu đòi ông Vi Văn A phải trả tiền, đồ sính lễ cưới.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn A yêu cầu có công đóng góp trong việc xây dựng nhà của gia đình anh Cà Văn S, ông Cà Văn B, bà Vi Thị L; đòi tiền sính lễ cưới; đòi tiền nợ cho con đi đẽ. Yêu cầu anh Cà Văn S, ông Cà Văn B, bà Vi Thị L phải trả cho ông gồm:

Anh Cà Văn S lấy 100 cây tre để chống sàn nhà giá 300.000 đồng /1 cây = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

Quà mang xuống đón bên nhà chồng khi cưới là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Công ông Vi Văn A đi làm nhà 03 tháng, mỗi ngày công là 250.000 đồng/ngày là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng);

Ông Vi Văn A bỏ ra bồi dưỡng ca mổ đẽ cho con gái là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2024, bị đơn chị Vi Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn A kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2024/DSST

ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án sơ thẩm để xét xử lại hoặc buộc nguyên đơn Cà Văn S phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền vay để làm nhà, cho vật liệu làm nhà, công làm nhà... tổng số tiền là 76.450.000 đồng.

Ngày 02/11/2024, bị đơn chị Vì Thị T có đơn rút một phần đơn kháng cáo, chị đề nghị Hội đồng xét xử chỉ giải quyết kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng nguyên đơn phải chịu án phí theo đúng theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 02/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A có đơn rút một phần đơn kháng cáo, cụ thể người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị hội đồng xét xử chỉ giải quyết kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng ông A không phải chịu án phí đối với số tiền 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng vì ông A không phải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại phần hợp gở dổi theo hướng ghi rõ kích thước thực tế.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của nguyên đơn: Không nhất trí nội dung kháng cáo của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn B và bà Vì Thị L không nhất trí kháng cáo của chị T và ông A, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa 1 phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La: Đình chỉ kháng cáo của chị T và ông A một phần về tài sản, anh S phải trả 01 hợp gở dổi tính giá trị bằng tiền là 650.000đ và miễn toàn bộ án phí sơ thẩm

và án phí phúc thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024, anh Cà Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vì Thị T, ngoài ra anh Sơn còn yêu cầu giải quyết về con chung, nợ chung. Xét bị đơn cư trú tại xã P, huyện M, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Sơn là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hạn không cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/8/2024, bị đơn chị Vì Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xét kháng cáo trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, đúng về chủ thể và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó đơn kháng cáo của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Vì Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/11/2024. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là hoàn toàn đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Ngày 08/8/2024, bị đơn chị Vì Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A có đơn kháng cáo như sau: Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án sơ thẩm để xét xử lại hoặc buộc nguyên đơn Cà Văn S phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền vay để làm nhà, cho vật liệu làm nhà, công làm nhà tổng số tiền là 76.450.000 đồng.

Nhưng đến ngày 02/11/2024, bị đơn chị Vì Thị T có đơn rút một phần đơn kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử chỉ giải quyết kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng nguyên đơn phải chịu án phí theo đúng theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 02/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A có Đơn rút một phần đơn kháng cáo, cụ thể người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị hội đồng xét xử chỉ giải quyết kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng ông A không phải chịu án phí đối với số tiền 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) vì ông A không phải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại phần hợp gỗ dổi theo hướng ghi rõ kích thước thực tế. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A là tự nguyện, nên cần được chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông A về 01 hộp gỗ dổi: Cấp sơ thẩm tuyên anh Cà Văn S phải trả cho ông Vì Văn A 01 hộp gỗ dổi nhưng không rõ về kích thước, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên rõ phần kích thước của hộp gỗ. Hội đồng thấy rằng, tại cấp sơ thẩm do các đương sự tự thỏa thuận sẽ trả cho nhau 1 hộp gỗ dổi có giá là 650.000đ, cấp sơ thẩm đã tuyên trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Sơn xác nhận hộp gỗ dổi được ông A cho đã làm cánh cửa nên không xác định được kích thước, do đó cần buộc anh S phải trả bằng số tiền theo các đương sự tính giá trị là 650.000đ.

[3] Xét nội dung kháng cáo về án phí của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm do các đương sự có tranh chấp về tài sản nên buộc các bên phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các đương sự đề nghị xem xét lại về án phí, thấy rằng, các đương sự đều sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho các đương sự.

[5] Các quyết định khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 61; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 457, Điều 458 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của chị Vì Thị T và ông Vì Văn A đối với một phần tài sản (tính thành tiền là 76.450.000 đồng)

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Vì Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn A, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La về phần tài sản và án phí như sau:

[2.1] Về tài sản: Anh Cà Văn S phải trả cho ông Vì Văn A giá trị của 01 hộp gỗ dổi là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Vì Văn A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Cà Văn S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì anh Sơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.2] Về án phí: Anh Cà Văn S, chị Vì Thị T, ông Vì Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Cà Văn S được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001274 ngày 12/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Chị Vì Thị T được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001687 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Ông Vì Văn A được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001686 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện M không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/11/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

*nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./. *

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền